

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 28.11.2017

Phiên bản 1.5

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	104952
Tên sản phẩm	Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	7789-00-6

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Đại diện khu vực

Cty TNHH Merck Việt Nam

Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi,

Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Kích ứng da, Nhóm 2, H315

Kích ứng mắt, Nhóm 2, H319

Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317

Biến đổi tế bào gốc, Nhóm 1 B, H340

Độc tính gây ung thư, Nhóm 1 B, Hít phải, H350i

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ hô hấp, H335

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H340 Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

H350i Có thể gây ung thư do hít phải.

H315 Gây kích ứng da.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Giới hạn cho người sử dụng chuyên nghiệp.

Ghi nhãn bị giảm (≤125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H340 Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền.

H350i Có thể gây ung thư do hít phải.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Các lưu ý phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Số CAS

7789-00-6

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	K ₂ CrO ₄	CrK ₂ O ₄ (Hill)
Số EC	232-140-5	
Khối lượng mol	194,19 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
potassium chromate (>= 50 % - <= 100 %)		
7789-00-6	*)	

Kích ứng da, Nhóm 2, H315

Kích ứng mắt, Nhóm 2, H319

Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317

Biến đổi tế bào gốc, Nhóm 1 B, H340

Độc tính gây ung thư, Nhóm 1 B, H350i

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H335

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

Nhân tố M: 10

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Các phản ứng dị ứng, các ảnh hưởng gây kích ứng, Ho, Khó thở

Crôm (VI) là chất cực độc. Chất này được hấp thụ qua cả phổi và khoang dạ dày. Là chất oxy hóa mạnh, cromat/ bicromat có thể gây bỏng và loét trên da và màng nhầy, đồng thời kích thích khoang hô hấp trên. Vết loét khó liền

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Điều trị theo triệu chứng.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Không dễ cháy.

Có hiệu quả thúc đẩy sự cháy do giải phóng oxy.

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh tạo và hít phải bụi trong mọi trường hợp. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Cầm cẩn thận. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Khô. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

potassium chromate (7789-00-6)

VN OEL	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	0,01 mg/m ³
--------	--	------------------------

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 3 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn và lỏng của các hóa chất độc và rất độc

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu vàng
Mùi đặc trưng	không mùi
Ngưỡng mùi	Không áp dụng được
Độ pH	9,0 - 9,8 ở 50 g/l 20 °C
Điểm nóng chảy	985 °C
Điểm sôi	Không có thông tin.
Điểm chớp cháy	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Sản phẩm không dễ cháy.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	thấp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	104952
Tên sản phẩm	Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	2,73 g/cm ³ ở 18 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	637 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Không áp dụng cho các chất vô cơ
Nhiệt độ tự bốc cháy	không bắt lửa
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính oxy hóa	Khả năng oxy hóa

9.2 Các dữ liệu khác

Mật độ lớn	Khoảng 1.400 kg/m ³
------------	--------------------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Có hiệu quả thúc đẩy sự cháy do giải phóng oxy.

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Các chất khử, clorat

Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:

chất hữu cơ dễ cháy, glyxerin

Phản ứng tỏa nhiệt với:

Sulfua, photphua

Rủi ro của phản ứng tỏa nhiệt/nổ với:

hidrazin và các chất dẫn xuất, hydroxylamine, chất oxy hóa

10.4 Các điều kiện cần tránh

không có thông tin

10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể, hư hỏng khoang hô hấp

Độc tính cấp qua da

Thông tin này không có sẵn.

Kích ứng da

Gây kích ứng da.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Kích ứng mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm

Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Biến đổi tế bào gốc

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Ảnh hưởng CMR

Độc tính gây ung thư:

Có thể gây ung thư do hít phải.

Tính gây đột biến:

Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Crôm (VI) là chất cực độc. Chất này được hấp thụ qua cả phổi và khoang dạ dày. Là chất oxy hóa mạnh, cromat/ bicromat có thể gây bỏng và loét trên da và màng nhầy, đồng thời kích thích khoang hô hấp trên. Vết loét khó liền

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 39,8 mg/l; 96 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 0,02 mg/l; 48 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

Độc đối với tảo

Thử nghiệm tảo Chlorella vulgaris (Tảo nước ngọt): 0,548 mg/l; 96 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

Phương pháp xác định khả năng phân hủy sinh học không được áp dụng cho các chất vô cơ

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

Không áp dụng cho các chất vô cơ

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 3288
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TOXIC SOLID, INORGANIC, N.O.S. (POTASSIUM CHROMATE)
14.3 Hạng	6.1
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	104952
Tên sản phẩm	Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

14.1 Số UN	UN 3288
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TOXIC SOLID, INORGANIC, N.O.S. (POTASSIUM CHROMATE)
14.3 Hạng	6.1
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 3288
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TOXIC SOLID, INORGANIC, N.O.S. (POTASSIUM CHROMATE)
14.3 Hạng	6.1
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có

EmS F-A S-A

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 6.1B

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H315	Gây kích ứng da.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.
H340	Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền.
H350i	Có thể gây ung thư do hít phải.
H400	Rất độc đối với thủy sinh vật.
H410	Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H315 Gây kích ứng da.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

H340 Có thể gây ra các khiếm khuyết về di truyền.

H350i Có thể gây ung thư do hít phải.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

104952

Tên sản phẩm

Potassium chromate for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Thông tin khác

Giới hạn cho người sử dụng chuyên nghiệp.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.